TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 231/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10/6/2022
V/v *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Văn Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Đạt

2. Ông Phạm Thành Công

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Vĩnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Phong, Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 253/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị Ngọc T, sinh năm xxxx, có mặt

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: Trần Minh T1, sinh năm xxxx, vắng mặt

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 6 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc T trình bày: Chị T và anh T1 tổ chức cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn, sống hạnh phúc đến tháng 4/2020 phát sinh mâu thuẫn

gia đình, do anh T1 không quan tâm đến gia đình, thường xuyên cờ bạc, uống rượu về nhà kiếm chuyện cự cãi với chị T, kêu chị T đưa tiền cho anh T1 đi chơi, chị T không đưa tiền thì anh T1 đánh chị T. Chị T và gia đình nhiều lần khuyên nhưng anh T1 không thay đổi. Đến tháng 4/2021 anh T1 bỏ đi không chung sống cho đến nay không liên lạc, không trao đổi tình cảm, nên chị T yêu cầu ly hôn.

Vợ chồng có 02 con chung Trần Ngọc Kim T2, sinh ngày xx/x/xxxx và Trần Ngọc Kim C sinh ngày xx/x/xxxx đang sống với chị T. Chị T yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con, vì chị nhận thấy anh T1 không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không có tài sản chung.

* Quá trình giải quyết vụ án anh Trần Minh T1 vắng mặt không có lời trình bày.

* Ý kiến của Viện kiểm sát: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị căn cứ Điều 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Ngọc T. Chị T được ly hôn anh Trần Minh T1. Về con, giao 02 con chung Trần Ngọc Kim T2, sinh ngày xx/x/xxxx và Trần Ngọc Kim C sinh ngày xx/x/xxxx cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ, thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Trần Minh T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T1.

[1] Về hôn nhân, chị Trần Thị Ngọc T và anh Trần Minh T1 tự nguyện kết hôn, được UBND thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 30/5/2016 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn gia đình như chị T trình bày, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tòa án triệu tập anh T1 nhiều lần đến Tòa để hòa giải hàn gắn tình cảm, nhưng anh không đến, cũng không gởi cho Tòa án ý kiến của anh T1 về việc chị T yêu cầu ly hôn, cho thấy anh T1 không muốn duy trì hôn nhân. Xét tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được, có căn cứ theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2] Về nuôi con chung, từ khi anh T1 bỏ đi đến nay con chung sống với chị T, chị T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, phù hợp nguyện vọng của cháu Trần Ngọc Kim T2 muốn tiếp tục sống với mẹ, nên có căn cứ theo quy định Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị T, ghi nhận chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, ghi nhận đương sự không yêu cầu giải quyết.

Án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Ngọc T và anh Trần Minh T1.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Ngọc Kim T2, sinh ngày xx/x/xxxx và Trần Ngọc Kim C, sinh ngày xx/x/xxxx cho chị Trần Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Minh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc T phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0007334 ngày 05/11//2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện GCĐ;
- Chi cục THADS huyện GCĐ;
- UBND thị trấn Vàm Láng, huyện GCĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Dũng